

MÔN ĐỊA LÍ

A - CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

I - MỤC TIÊU

Môn Địa lí ở Trung học phổ thông nhằm giúp học sinh :

1. Về kiến thức

Nắm được những kiến thức phổ thông, cơ bản, cần thiết về :

- Trái Đất, các thành phần cấu tạo của Trái Đất, các hiện tượng, sự vật địa lí và tác động qua lại giữa chúng ; một số quy luật phát triển của môi trường tự nhiên trên Trái Đất ; dân cư và các hoạt động của con người trên Trái Đất ; mối quan hệ giữa dân cư, hoạt động sản xuất và môi trường ; sự cần thiết phải khai thác hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững ;

- Đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội của một số khu vực khác nhau và của một số quốc gia trên thế giới, một số đặc điểm của thế giới đương đại ;

- Đặc điểm tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam ; những vấn đề đặt ra đối với cả nước nói chung và các vùng, các địa phương nơi học sinh đang sinh sống nói riêng.

2. Về kĩ năng

Củng cố và phát triển ở học sinh :

- Kĩ năng học tập và nghiên cứu địa lí : quan sát, nhận xét, phân tích, so sánh, đánh giá các sự vật, hiện tượng địa lí ; vẽ lược đồ, biểu đồ ; phân tích, sử dụng bản đồ, Atlas, biểu đồ, lát cắt, số liệu thống kê,... ;

- Kĩ năng thu thập, xử lí, tổng hợp và thông báo thông tin địa lí ;

- Kỹ năng vận dụng tri thức địa lí để giải thích các hiện tượng, sự vật địa lí và bước đầu tham gia giải quyết những vấn đề của cuộc sống phù hợp với khả năng của học sinh.

3. Về thái độ, tình cảm

Góp phần hình thành ở học sinh

- Tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước và tôn trọng các thành quả kinh tế - văn hoá của nhân dân Việt Nam cũng như của nhân loại ;

- Niềm tin vào khoa học, ham học hỏi, hứng thú tìm hiểu và giải thích các sự vật, hiện tượng địa lí ;

- Ý chí tự cường dân tộc, niềm tin vào tương lai của đất nước, sẵn sàng tham gia xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước ; có ý thức trách nhiệm và tích cực tham gia vào các hoạt động sử dụng hợp lí, bảo vệ, cải tạo môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của gia đình và cộng đồng.

II - NỘI DUNG

1. Kế hoạch dạy học

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
10	1,5	35	52,5
11	1	35	35
12	1,5	35	52,5
Cộng (toàn cấp)		105	140

2. Nội dung dạy học từng lớp

LỚP 10 : ĐỊA LÍ ĐẠI CƯƠNG

1,5 tiết/tuần × 35 tuần = 52,5 tiết

I - ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

1. Bản đồ
2. Vũ Trụ. Hệ quả các chuyển động chính của Trái Đất
3. Cấu trúc của Trái Đất. Thạch quyển
4. Khí quyển
5. Thủy quyển
6. Thổ nhưỡng quyển và sinh quyển
7. Một số quy luật của lớp vỏ địa lí

II - ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Địa lí dân cư
2. Cơ cấu nền kinh tế
3. Địa lí nông nghiệp
4. Địa lí công nghiệp
5. Địa lí dịch vụ
6. Môi trường và sự phát triển bền vững

LỚP 11 : ĐỊA LÍ THẾ GIỚI

1 tiết/tuần × 35 tuần = 35 tiết

I - KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NỀN KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI

1. Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước
2. Xu hướng toàn cầu hoá, khu vực hoá
3. Một số vấn đề mang tính toàn cầu
4. Một số vấn đề của châu lục và khu vực

II - ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA

1. Hoa Kỳ
2. Liên minh châu Âu
3. Liên bang Nga
4. Nhật Bản
5. Trung Quốc
6. Khu vực Đông Nam Á
7. Ô-xtrây-li-a

LỚP 12 : ĐỊA LÍ VIỆT NAM

1,5 tiết/tuần × 35 tuần = 52,5 tiết

I - ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ
2. Lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ
3. Đặc điểm chung của tự nhiên
4. Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên

II - ĐỊA LÍ DÂN CƯ

1. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư
2. Lao động và việc làm
3. Đô thị hoá
4. Chất lượng cuộc sống

III - ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế
2. Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp
3. Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp
4. Một số vấn đề phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

IV - ĐỊA LÍ CÁC VÙNG

1. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ
2. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng
3. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ
4. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ
5. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên
6. Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ
7. Vấn đề sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long
8. Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo
9. Các vùng kinh tế trọng điểm

V - ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

Tìm hiểu địa lí địa phương theo chủ đề

III - CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

LỚP 10

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
I - ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN 1. Bản đồ	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none">- Phân biệt được một số phép chiếu hình bản đồ cơ bản : phép chiếu phương vị, phép chiếu hình nón, phép chiếu hình trụ.- Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.- Hiểu và trình bày được phương pháp sử dụng bản đồ, Atlas địa lí để tìm hiểu đặc điểm của các đối tượng, hiện tượng và phân tích các mối quan hệ địa lí. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được một số phép chiếu hình bản đồ qua mạng lưới kinh, vĩ tuyến.- Nhận biết được một số phương pháp phổ biến để biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ và Atlas.	<ul style="list-style-type: none">- Đặc điểm lưới kinh, vĩ tuyến của phép chiếu phương vị đứng, hình nón đứng, hình trụ đứng.- Phương pháp : kí hiệu, kí hiệu đường chuyển động, chấm điểm, bản đồ – biểu đồ.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>2. Vũ Trụ. Hệ quả các chuyển động chính của Trái Đất</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái quát Vũ Trụ, hệ Mặt Trời trong Vũ Trụ, Trái Đất trong hệ Mặt Trời. - Trình bày và giải thích được các hệ quả chủ yếu của chuyển động tự quay quanh trục và chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất : <ul style="list-style-type: none"> + Chuyển động tự quay : sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất, sự chuyển động lệch hướng của các vật thể. + Chuyển động quanh Mặt Trời : chuyển động biểu kiến hằng năm của Mặt Trời, hiện tượng mùa và hiện tượng ngày đêm dài, ngắn theo mùa. <p>Kĩ năng</p> <p>Sử dụng tranh ảnh, hình vẽ, mô hình để trình bày, giải thích các hệ quả chuyển động của Trái Đất.</p>	
<p>3. Cấu trúc của Trái Đất. Thạch quyển</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được cấu trúc của Trái Đất và sự khác nhau giữa các lớp (lớp vỏ, lớp Manti, nhân Trái Đất) về tỉ lệ thể tích, độ dày, thành phần vật chất cấu tạo chủ yếu, trạng thái. - Biết được khái niệm thạch quyển ; phân biệt được thạch quyển và vỏ Trái Đất. - Trình bày được nội dung cơ bản của thuyết Kiến tạo mảng và vận dụng thuyết Kiến tạo mảng để giải thích sơ lược sự hình thành các 	<ul style="list-style-type: none"> - Vỏ lục địa và đại dương ; tầng Manti trên và Manti dưới ; nhân ngoài và nhân trong. - Vùng núi trẻ Hi-ma-lay-a ; vành đai động đất và núi lửa Thái Bình

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>vùng núi trẻ ; các vành đai động đất, núi lửa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm nội lực, ngoại lực và nguyên nhân của chúng. Biết được tác động của nội lực và ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. - Biết một số thiên tai do tác động của nội lực, ngoại lực gây ra : động đất, núi lửa... <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết cấu trúc của Trái Đất qua hình vẽ. - Sử dụng tranh ảnh, hình vẽ để trình bày về thuyết Kiến tạo mảng. - Nhận xét tác động của nội lực, ngoại lực qua tranh ảnh. - Xác định trên bản đồ các vùng núi trẻ, các vùng có nhiều động đất, núi lửa và nêu nhận xét. 	<p>Dương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác động của các vận động kiến tạo và các quá trình ngoại lực.
<p>4. Khí quyển</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết khái niệm khí quyển. - Trình bày được đặc điểm của các tầng khí quyển : tầng đối lưu, tầng bình lưu, tầng khí quyển giữa (tầng trung lưu), tầng nhiệt (tầng ion), tầng khí quyển ngoài. - Hiểu được nguyên nhân hình thành và tính chất của các khối khí : cực, ôn đới, chí tuyến, xích đạo. - Biết khái niệm frông và các frông ; hiểu và trình bày được sự di chuyển của các khối khí, frông và ảnh hưởng của chúng đến thời tiết, khí hậu. - Trình bày được nguyên nhân hình thành nhiệt độ không khí và các 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm : độ dày, mật độ, thành phần không khí, nhiệt độ của các tầng khí quyển. - Liên hệ với các khối khí thường ảnh hưởng đến thời tiết, khí hậu của Việt Nam. - Các nhân tố : vĩ độ địa lí, lục địa

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>nhân tố ảnh hưởng đến nhiệt độ không khí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được mối quan hệ giữa khí áp và gió ; nguyên nhân làm thay đổi khí áp. - Biết được nguyên nhân hình thành một số loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất, gió mùa và một số loại gió địa phương. - Phân biệt được độ ẩm tuyệt đối và độ ẩm tương đối. - Giải thích được hiện tượng ngưng tụ hơi nước trong khí quyển. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và sự phân bố mưa trên thế giới. - Biết được sự hình thành và phân bố của các đới, các kiểu khí hậu chính trên Trái Đất. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ Khí hậu thế giới để trình bày sự phân bố các khu áp cao, áp thấp ; sự vận động của các khối khí trong tháng 1 và tháng 7. - Tính được độ ẩm tương đối. - Phân tích bản đồ và đồ thị phân bố lượng mưa theo vĩ độ. 	<p>và đại dương, địa hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân : độ cao, nhiệt độ, độ ẩm. - Một số loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất : gió Tây ôn đới, Tín phong, gió địa phương (gió đất, gió biển, gió phơn). Liên hệ các loại gió này ở Việt Nam. - Các hiện tượng : sương mù, mây mưa - Các nhân tố : khí áp, hoàn lưu, dòng biển, địa hình.
5. Thủy quyển	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết khái niệm thủy quyển. - Hiểu và trình bày được vòng tuần hoàn của nước trên Trái Đất. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước của sông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhân tố : địa chất, địa hình,

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được đặc điểm và sự phân bố của một số sông lớn trên thế giới. - Mô tả và giải thích được nguyên nhân sinh ra hiện tượng sóng biển, thủy triều ; phân bố và chuyển động của các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới. - Phân tích được vai trò của biển và đại dương trong đời sống. <p>Kĩ năng</p> <p>Sử dụng bản đồ các dòng biển trong đại dương thế giới để trình bày về các dòng biển lớn.</p>	<p>chế độ mưa, thực vật, hồ, đầm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm : chiều dài, lưu vực, thủy chế. <p>- Nơi xuất phát, hướng chảy và tính chất của các dòng biển.</p>
<p>6. Thổ nhưỡng quyển và sinh quyển</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được khái niệm đất (thổ nhưỡng) và thổ nhưỡng quyển. Trình bày được vai trò của các nhân tố hình thành đất. - Hiểu được khái niệm sinh quyển và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật. - Hiểu được quy luật phân bố của một số loại đất và thảm thực vật chính trên Trái Đất. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tranh ảnh để nhận biết các thảm thực vật chính trên Trái Đất. - Sử dụng bản đồ để trình bày về sự phân bố các thảm thực vật và các 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhân tố : đá mẹ, khí hậu, địa hình, sinh vật, thời gian, con người. - Các nhân tố : khí hậu, đất, địa hình, sinh vật, con người. - Các thảm thực vật : đài nguyên, tai ga, rừng lá rộng, thảo nguyên...

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	loại đất chính trên Trái Đất.	
7. Một số quy luật của lớp vỏ địa lí	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm lớp vỏ địa lí. - Hiểu và trình bày được một số biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh, quy luật địa đới và phi địa đới của lớp vỏ địa lí. <p>Kĩ năng</p> <p>Sử dụng hình vẽ, sơ đồ, lát cắt để trình bày về lớp vỏ địa lí và các quy luật chủ yếu của lớp vỏ địa lí.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành phần cấu tạo của lớp vỏ địa lí : địa hình, khí hậu, nước, đất, sinh vật.
II - ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI 1. Địa lí dân cư	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích được xu hướng biến đổi quy mô dân số thế giới và hậu quả của nó. - Biết được các thành phần tạo nên sự gia tăng dân số là gia tăng tự nhiên (sinh thô, tử thô) và gia tăng cơ học (nhập cư, xuất cư). - Hiểu và trình bày được cơ cấu sinh học (tuổi, giới) và cơ cấu xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> - Tình hình gia tăng tự nhiên của dân số toàn cầu. - Dân số già, dân số trẻ, tháp

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>(lao động, trình độ văn hoá) của dân số.</p> <p>- Trình bày được khái niệm phân bố dân cư, giải thích được đặc điểm phân bố dân cư theo không gian, thời gian. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố dân cư.</p> <p>- Phân biệt được đặc điểm của quần cư nông thôn và quần cư thành thị.</p> <p>- Trình bày được các đặc điểm của đô thị hoá, những mặt tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hoá.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Vẽ đồ thị, biểu đồ về dân số.</p> <p>- Phân tích biểu đồ và bảng số liệu về dân số.</p> <p>- Phân tích và giải thích bản đồ phân bố dân cư thế giới.</p>	<p>dân số.</p> <p>- Nguồn lao động và cơ cấu dân số theo khu vực kinh tế.</p> <p>- Các nhân tố : phương thức sản xuất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, điều kiện tự nhiên, lịch sử khai thác lãnh thổ...</p> <p>- Quần cư nông thôn : nông nghiệp, phi nông nghiệp ; quần cư thành thị : công nghiệp, dịch vụ, trung tâm kinh tế, hành chính, chính trị...</p> <p>- Đồ thị về sự gia tăng dân số thế giới, biểu đồ cơ cấu dân số.</p>
<p>2. Cơ cấu nền kinh tế</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Trình bày được khái niệm nguồn lực ; phân biệt được các loại nguồn lực và vai trò của chúng.</p>	<p>- Nguồn lực tự nhiên, nguồn lực kinh tế - xã hội ; nguồn lực bên</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Trình bày được khái niệm cơ cấu nền kinh tế, các bộ phận hợp thành cơ cấu nền kinh tế.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Nhận xét, phân tích sơ đồ nguồn lực và cơ cấu nền kinh tế.</p> <p>- Tính toán, vẽ biểu đồ cơ cấu nền kinh tế theo ngành của thế giới và các nhóm nước ; nhận xét.</p>	<p>trong, nguồn lực bên ngoài.</p> <p>- Cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu lãnh thổ.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>3. Địa lí nông nghiệp</p>	<p><i>Kiến thức</i></p> <p>- Trình bày được vai trò và đặc điểm của sản xuất nông nghiệp :</p> <p>+ Vai trò</p> <p>+ Đặc điểm</p> <p>- Phân tích được các nhân tố tự nhiên và các nhân tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.</p>	<p>- Vai trò : cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp.</p> <p>- Đặc điểm : đất là tư liệu sản xuất ; đối tượng lao động là cây trồng, vật nuôi ; tính mùa vụ, phụ thuộc vào tự nhiên.</p> <p>- Tự nhiên : đất, nước, khí hậu, sinh vật ; kinh tế - xã hội : dân cư và nguồn lao động, quan hệ sở hữu ruộng đất, tiến bộ khoa học kĩ thuật, thị trường.</p>
	<p>- Trình bày được vai trò, đặc điểm sinh thái, sự phân bố các cây lương thực chính và các cây công nghiệp chủ yếu.</p>	<p>- Cây lương thực chính : lúa mì, lúa gạo, ngô ; các cây công nghiệp chủ yếu : cây lấy đường ; cây lấy sợi ; cây lấy dầu ; cây cho</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Trình bày và giải thích được vai trò, đặc điểm và sự phân bố của các ngành chăn nuôi : gia súc, gia cầm.</p> <p>- Trình bày được vai trò của rừng ; tình hình trồng rừng.</p> <p>- Trình bày được vai trò của thủy sản ; tình hình nuôi trồng thủy sản.</p> <p>- Biết được một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp chủ yếu : trang trại, thể tổng hợp nông nghiệp và vùng nông nghiệp</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để phân tích và giải thích sự phân bố các cây trồng, vật nuôi.</p> <p>- Phân tích bảng số liệu ; vẽ và phân tích biểu đồ về một số ngành sản xuất nông nghiệp.</p>	<p>chất kích thích ; cây lấy nhựa.</p> <p>- Gia súc : trâu, bò, lợn, dê, cừu.</p> <p>- Mục đích sản xuất, quy mô đất đai, vốn, cơ sở vật chất - kĩ thuật, cách thức tổ chức sản xuất.</p> <p>- Liên hệ với các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở Việt Nam.</p>
<p>4. Địa lí công nghiệp</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Trình bày được vai trò và đặc điểm của sản xuất công nghiệp :</p> <p>+ Vai trò</p>	<p>- Vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân ; cung cấp tư liệu sản</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>+ Đặc điểm</p> <p>- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp :</p> <p>+ Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.</p> <p>+ Dân cư, kinh tế - xã hội</p> <p>- Trình bày và giải thích được vai trò, đặc điểm và sự phân bố một số ngành công nghiệp chủ yếu trên thế giới.</p> <p>- Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp : điểm công nghiệp, khu công nghiệp tập trung, trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp.</p>	<p>xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật cho các ngành kinh tế khác ; tạo ra các sản phẩm tiêu dùng.</p> <p>- Đặc điểm : hai giai đoạn sản xuất ; tính chất tập trung cao độ ; nhiều ngành phức tạp.</p> <p>- Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên : khoáng sản, khí hậu, nước, các điều kiện khác.</p> <p>- Kinh tế - xã hội : dân cư - lao động, tiến bộ khoa học kĩ thuật, thị trường, vốn, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kĩ thuật, đường lối chính sách.</p> <p>- Công nghiệp năng lượng, luyện kim, cơ khí, hoá chất, điện tử - tin học, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm.</p> <p>- Vị trí, vai trò và đặc điểm của mỗi hình thức.</p> <p>- Liên hệ với các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p><i>Kĩ năng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để nhận xét sự phân bố một số ngành công nghiệp. - Vẽ và phân tích biểu đồ tình hình sản xuất của một số ngành công nghiệp (biểu đồ cột, biểu đồ miền). 	Việt Nam.
<p>5. Địa lí dịch vụ</p>	<p><i>Kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò, cơ cấu và các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ. - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải. - Trình bày được vai trò, đặc điểm phân bố của các ngành giao thông vận tải cụ thể. - Trình bày được vai trò, đặc điểm và sự phân bố của ngành thông tin liên lạc. - Trình bày được vai trò của ngành thương mại. Hiểu và trình bày được một số khái niệm (thị trường, cán cân xuất nhập khẩu), đặc điểm của 	<ul style="list-style-type: none"> - Các điều kiện tự nhiên : địa hình, mạng lưới sông ngòi, thời tiết, khí hậu... ; các điều kiện kinh tế - xã hội : sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế quốc dân ; sự phân bố dân cư, các thành phố lớn, các chùm đô thị. - Các ngành : đường sắt, đường ô tô, đường sông - hồ, đường biển, đường hàng không, đường ống.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	thị trường thế giới và một số tổ chức thương mại trên thế giới. Kĩ năng - Phân tích các bảng số liệu về một số ngành dịch vụ. - Vẽ biểu đồ kết hợp giữa biểu đồ cột và biểu đồ đường. - Dựa vào bản đồ và tư liệu đã cho, viết báo cáo ngắn về một ngành dịch vụ.	
6. Môi trường và sự phát triển bền vững	Kiến thức - Hiểu và trình bày được các khái niệm : môi trường, tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững. - Trình bày được một số vấn đề về môi trường và phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu và ở các nhóm nước. Kĩ năng - Phân tích bảng số liệu, tranh ảnh về các vấn đề môi trường. - Biết cách tìm hiểu một vấn đề môi trường ở địa phương.	- Nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển. - Ví dụ : môi trường nước, môi trường đất, rác thải, tiếng ồn.

LỚP 11

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>I - KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NỀN KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI</p> <p>1. Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước : phát triển, đang phát triển, nước công nghiệp mới (NIC). - Trình bày được đặc điểm nổi bật của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. - Trình bày được tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại tới sự phát triển kinh tế : xuất hiện ngành kinh tế mới ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế ; hình thành nền kinh tế tri thức. <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét sự phân bố các nhóm nước trên bản đồ. - Phân tích bảng số liệu về kinh tế - xã hội của từng nhóm nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm phát triển dân số, tổng GDP, GDP/người ; cơ cấu kinh tế phân theo khu vực của các nhóm nước. - Bùng nổ công nghệ cao với 4 ngành công nghệ chính là công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, công nghệ năng lượng và công nghệ thông tin. - Ngành mới : sản xuất phần mềm, công nghệ gen. - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng của dịch vụ, giảm tỉ trọng của công nghiệp và nông nghiệp. - Nền kinh tế tri thức : nền kinh tế với các ngành kỹ thuật, công nghệ cao phát triển dựa trên tri thức.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>2. Xu hướng toàn cầu hoá, khu vực hoá</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hoá. - Trình bày được hệ quả của toàn cầu hoá. - Trình bày được biểu hiện của khu vực hoá. - Biết lí do hình thành tổ chức liên kết kinh tế khu vực và một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ thế giới để nhận biết lãnh thổ của các liên kết kinh tế khu vực. - Phân tích số liệu, tư liệu để nhận biết quy mô, vai trò đối với thị trường quốc tế của các liên kết kinh tế khu vực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển thương mại quốc tế ; Tổ chức thương mại quốc tế (WTO) ; tăng đầu tư quốc tế ; mở rộng thị trường tài chính ; vai trò của công ti xuyên quốc gia. - Kinh tế tăng trưởng ; tăng cường hợp tác kinh tế và hệ quả : tăng khoảng cách giữa nước giàu, nước nghèo. - Liên kết kinh tế khu vực và hệ quả ; tự do hoá thương mại, lập thị trường khu vực ; vấn đề tự chủ kinh tế. - Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), Khu vực hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) ; Liên minh châu Âu (EU),...

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>3. Một số vấn đề mang tính toàn cầu</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển và già hoá dân số ở các nước phát triển. - Biết và giải thích được đặc điểm dân số của thế giới, của nhóm nước phát triển, nhóm nước đang phát triển và hậu quả của nó. - Trình bày được một số biểu hiện, nguyên nhân và phân tích được hậu quả của ô nhiễm môi trường ; nhận thức được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường. - Hiểu được nguy cơ chiến tranh và sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình. <p>Kĩ năng</p> <p>Thu thập và xử lí thông tin, viết báo cáo ngắn gọn về một số vấn đề mang tính toàn cầu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quy mô dân số, tốc độ gia tăng dân số, cơ cấu dân số theo nhóm tuổi. - Tích hợp giáo dục dân số, giáo dục môi trường. - Dân số trẻ, dân số già ; nguồn nhân lực và vấn đề chất lượng cuộc sống. - Xung đột sắc tộc, tôn giáo ; khủng bố.
<p>4. Một số vấn đề của châu lục và khu vực</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của các nước ở châu Phi, Mĩ La-tinh ; khu vực Trung Á và Tây Nam Á. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiềm năng về tài nguyên khoáng sản, về nguồn lực con người.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết để phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia ở châu Phi, Mĩ La-tinh ; khu vực Trung Á và Tây Nam Á.</p> <p>- Ghi nhớ một số địa danh</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ thế giới để phân tích ý nghĩa vị trí địa lí của các khu vực Trung Á và Tây Nam Á.</p> <p>- Phân tích số liệu, tư liệu về một số vấn đề kinh tế - xã hội của châu Phi, Mĩ La-tinh ; khu vực Trung Á, Tây Nam Á.</p>	<p>- Một số vấn đề của châu Phi :</p> <p>+ Chiến tranh và xung đột sắc tộc,</p> <p>+ Chất lượng cuộc sống (giải quyết vấn đề dân số).</p> <p>- Một số vấn đề của Mĩ La-tinh :</p> <p>+ Nợ nước ngoài,</p> <p>+ Vai trò của các công ti tư bản nước ngoài.</p> <p>- Một số vấn đề của khu vực Trung Á và Tây Nam Á :</p> <p>+ Xung đột sắc tộc, tôn giáo ; khủng bố.</p> <p>+ Vai trò cung cấp dầu mỏ đối với nền kinh tế thế giới.</p> <p>- Nam Phi, A-ma-dôn, Giê-ru-sa-lem, A-rập.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>II - ĐỊA LÍ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA</p> <p>1. Hoa Kỳ</p>	<p><i>Kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Hoa Kỳ. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế. - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế. - Trình bày và giải thích được đặc điểm kinh tế - xã hội của Hoa Kỳ, vai trò của một số ngành kinh tế chủ chốt, sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ. - Ghi nhớ một số địa danh <p><i>Kĩ năng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ Hoa Kỳ để phân tích đặc điểm địa hình và sự phân bố khoáng sản, dân cư, các ngành kinh tế và các vùng kinh tế. - Phân tích số liệu, tư liệu về tự nhiên, dân 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoa Kỳ nằm ở Tây bán cầu, không bị chiến tranh thế giới tàn phá ; đất nước rộng lớn với các miền địa hình khác biệt từ Tây sang Đông, nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng. - Phần lớn là dân nhập cư, trình độ dân trí và khoa học cao, mật độ dân số thấp ; vấn đề của người nhập cư da màu. - Cường quốc kinh tế, GDP lớn nhất thế giới. - Dãy A-pa-lat, dãy Cooc-đi-e, sông Mi-xi-xi-pi, Hồ Lớn ; thủ đô Oa-sinh-ton, Niu Ioóc, Xan Phran-xi-xcô.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>cur, kinh tế Hoa Kỳ ; so sánh sự khác biệt giữa các vùng.</p>	
<p>2. Liên minh châu Âu (EU)</p>	<p><i>Kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được lí do hình thành, quy mô, vị trí, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU và biểu hiện của mối liên kết toàn diện giữa các nước trong EU. - Phân tích được vai trò của EU trong nền kinh tế thế giới : trung tâm kinh tế và tổ chức thương mại hàng đầu thế giới. - Phân tích CHLB Đức như một ví dụ về thành viên có nền kinh tế thị trường và xã hội phát triển : vị thế của CHLB Đức trong EU và trên thế giới. - Ghi nhớ một số địa danh <p><i>Kĩ năng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để nhận biết các nước thành viên EU, phân tích liên kết vùng ở châu Âu. - Phân tích số liệu, tư liệu để thấy được ý nghĩa của EU thống nhất, vai trò của EU trong nền kinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện trong lưu thông dịch vụ, hàng hoá, tiền tệ, lao động ; hợp tác trong sản xuất và dịch vụ. - Số liệu biểu hiện sự phát triển và vị trí của CHLB Đức trong nền kinh tế thế giới. - Luân Đôn, Bec-lin, vùng Maxơ - Rainơ, biển Măng-sơ.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	tế thế giới ; vai trò của CHLB Đức trong EU và nền kinh tế thế giới.	
3. Liên bang Nga	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ LB Nga. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế. - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế. - Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế của LB Nga : vai trò của LB Nga đối với Liên Xô trước đây, những khó khăn và những thành quả của sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ; một số ngành kinh tế chủ chốt và sự phân hoá lãnh thổ kinh tế LB Nga. - Hiểu quan hệ đa dạng giữa LB Nga và Việt Nam. - So sánh được đặc trưng và phân tích vai trò của một số vùng kinh tế tập trung của LB Nga : vùng 	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích lớn nhất thế giới, nằm ở cả hai châu lục, thiên nhiên đa dạng, có sự khác nhau giữa các khu vực phía tây và phía đông dãy U- ran, các sông, hồ lớn ; các kiểu khí hậu ; giàu tài nguyên với trữ lượng lớn : than, dầu mỏ, quặng sắt, thủy năng, rừng ; thiên nhiên khắc nghiệt. - Dân số khá đông, tập trung ở phần Đông Âu, dân số đang già đi ; cường quốc văn hoá và khoa học - kĩ thuật. - Một số ngành kinh tế của LB Nga đã có vai trò quyết định trong nền kinh tế của Liên Xô (cũ). - Quan hệ hợp tác, bình đẳng trong quá khứ và hiện tại giữa LB Nga và Việt Nam. - Đóng góp của những vùng quan trọng vào nền

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>Trung ương, vùng Trung tâm đất đen, vùng U-ran, vùng Viễn Đông.</p> <p>- Ghi nhớ một số địa danh</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để nhận biết và phân tích đặc điểm tự nhiên, phân bố dân cư, một số ngành và vùng kinh tế của LB Nga.</p> <p>- Phân tích số liệu, tư liệu về biến động dân cư, về tình hình phát triển kinh tế của LB Nga.</p>	<p>kinh tế đất nước.</p> <p>- Dãy U-ran, vùng Xi-bia, sông Vôn-ga, hồ Bai-can, thủ đô Mat-xcơ-va, TP. Xanh Pê-tec-bua.</p>
<p>4. Nhật Bản</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Nhật Bản.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm tự nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế.</p> <p>- Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế.</p> <p>- Trình bày và giải thích được sự phát triển và phân bố của những ngành kinh tế chủ chốt.</p> <p>- Trình bày và giải thích được sự phân bố một số</p>	<p>- Đất nước quần đảo, dễ giao lưu với nước ngoài bằng đường biển, địa hình núi trung bình và thấp, khí hậu gió mùa, nghèo tài nguyên, lắm thiên tai : núi lửa, động đất, sóng thần.</p> <p>- Đông dân, dân số đang già đi, phần lớn dân cư tập trung ở thành phố và đồng bằng ven biển, trình độ dân trí và khoa học cao.</p> <p>- Người dân lao động cần cù, đạt hiệu quả cao.</p> <p>- Khu vực dịch vụ : thương mại, tài chính.</p> <p>- Công nghiệp cơ khí, công nghiệp điện tử, công nghiệp xây dựng, công nghiệp dệt.</p> <p>- Nguyên nhân : thuận lợi của vị trí địa lí, nhân</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>ngành sản xuất tại vùng kinh tế phát triển ở đảo Hôn-su và Kiu-xiu.</p> <p>- Ghi nhớ một số địa danh</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày một số đặc điểm địa hình, tài nguyên khoáng sản, sự phân bố một số ngành công nghiệp, nông nghiệp của Nhật Bản.</p> <p>- Nhận xét các số liệu, tư liệu về thành tựu phát triển kinh tế của Nhật Bản.</p>	<p>công lao động có trình độ, đầu tư nước ngoài, chính sách phát triển đất nước.</p> <p>- Đảo Hôn-su, đảo Kiu-xiu, núi Phú Sĩ, Thủ đô Tô-ki-ô, các thành phố : Cô-bê, Hi-rô-si-ma.</p>
<p>5. Trung Quốc</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Biết được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Trung Quốc.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm tự nhiên tài nguyên thiên nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế.</p> <p>- Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế.</p> <p>- Hiểu và phân tích được đặc điểm phát triển kinh tế, một số ngành kinh tế chủ chốt và vị thế</p>	<p>- Nước láng giềng phía bắc Việt Nam, diện tích chiếm phần lớn Đông Á và Trung Á.</p> <p>- Diện tích lớn với duyên hải mở rộng, thuận lợi cho giao lưu với nước ngoài ; miền Đông và miền Tây có sự khác biệt lớn về khí hậu, sông hồ, nguồn khoáng sản ; tài nguyên thiên nhiên đa dạng, song cũng nhiều thiên tai (bão cát, lũ lụt).</p> <p>- Dân số đông nhất thế giới tạo nên nguồn lao động và thị trường tiêu thụ lớn ; có truyền thống lao động ; dân cư tập trung chủ yếu ở miền Đông.</p> <p>- Kinh tế phát triển mạnh, liên tục trong nhiều</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới ; phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được sự phân bố của một số ngành kinh tế Trung Quốc ; sự tập trung các đặc khu kinh tế tại vùng duyên hải. - Hiểu được quan hệ đa dạng giữa Trung Quốc và Việt Nam. - Ghi nhớ một số địa danh <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày sự khác biệt về tự nhiên, về sự phân bố dân cư và kinh tế giữa miền Đông và miền Tây của Trung Quốc. - Phân tích các số liệu, tư liệu về thành tựu phát triển kinh tế của Trung Quốc. 	<p>năm, cơ cấu kinh tế chuyển đổi theo hướng hiện đại, có vai trò ngày càng lớn trong nền kinh tế thế giới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân : ổn định chính trị, khai thác nguồn lực trong, ngoài nước ; phát triển và vận dụng khoa học - kĩ thuật. - Một số ngành sản xuất chiếm thị phần lớn trong nền kinh tế thế giới. <p>- Hợp tác hữu nghị, ổn định, lâu dài.</p> <p>- Hoàng Hà, Trường Giang, Thủ đô Bắc Kinh, Tp. Thượng Hải, Hồng Công, khu chế xuất Tân Quyển.</p>
<p>6. Khu vực Đông Nam Á</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ khu vực Đông Nam Á. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên 	<ul style="list-style-type: none"> - Những điểm chung và riêng trong tự nhiên của khu vực lục địa và khu vực hải đảo, thiên nhiên nhiệt đới gió mùa, khá giàu khoáng sản ;

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>thiên nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế. - Trình bày và giải thích được một số đặc điểm kinh tế. - Hiểu được mục tiêu của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) ; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá ; thành tựu và thách thức của các nước thành viên. - Hiểu được sự hợp tác đa dạng của Việt Nam với các nước trong Hiệp hội. - Ghi nhớ một số địa danh <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày được vị trí các nước thành viên, đặc điểm chung về địa hình, khoáng sản, phân bố một số ngành kinh tế của các nước ASEAN. 	<p>nhiều thiên tai (động đất, núi lửa, bão, sóng thần, cháy rừng).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số trẻ, số dân lớn và gia tăng tương đối nhanh, nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn. - Nông nghiệp nhiệt đới, ngành thuỷ, hải sản có vai trò quan trọng, phát triển công nghiệp và dịch vụ ; cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch ; các khu kinh tế phát triển ở vùng duyên hải. - Hợp tác khai thác các lợi thế để phát triển các quốc gia trong khu vực, xây dựng khu vực hoà bình, ổn định. - Biểu hiện và kết quả của sự hợp tác đa dạng : trao đổi hàng hoá, hợp tác trong văn hoá, giáo dục, thể thao, du lịch. - Tên 11 quốc gia ở Đông Nam Á.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét các số liệu, tư liệu về kết quả phát triển kinh tế của các nước ASEAN. 	
<p>7. Ô-xtrây-li-a</p>	<p><i>Kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Ô-xtrây-li-a. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế. - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế. - Hiểu và chứng minh được sự phát triển năng động của nền kinh tế ; trình độ phát triển kinh tế cao, chú ý phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. - Ghi nhớ một số địa danh <p><i>Kĩ năng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ Ô-xtrây-li-a để trình bày vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên, phân bố dân cư và kinh tế. - Nhận xét các số liệu, tư liệu về vấn đề dân cư 	<ul style="list-style-type: none"> - Đất nước chiếm cả một lục địa ở nửa cầu Nam, thiên nhiên đa dạng, giàu tài nguyên nhưng khí hậu của phần lớn lãnh thổ rất khô hạn. - Gia tăng dân số cơ giới, sự đan xen của nhiều dân tộc đến từ các quốc gia, mức độ đô thị hoá cao. - Các ngành công nghệ cao ; nông nghiệp hiện đại ; thương mại và dịch vụ. - Bảo vệ môi trường (động vật quý hiếm). - Hoang mạc Vich-to-ri-a, thủ đô Can-be-ra, thành phố Xit-ni.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	của Ô-xtrây-li-a.	

LỚP 12

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
--------	----------------	---------

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập</p> <p>I - ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN</p> <p>1. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ</p>	<p>- Biết công cuộc Đổi mới ở nước ta là một cuộc cải cách toàn diện về kinh tế – xã hội ; một số định hướng chính để đẩy mạnh công cuộc Đổi mới.</p> <p>- Biết bối cảnh và công cuộc hội nhập quốc tế và khu vực của nước ta.</p> <p><i>Kiến thức</i></p> <p>- Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn, phạm vi lãnh thổ Việt Nam : các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây của phần đất liền ; phạm vi vùng đất, vùng biển, vùng trời và diện tích lãnh thổ.</p> <p>- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế – xã hội và an ninh, quốc phòng.</p> <p><i>Kỹ năng</i></p> <p>Biết vẽ lược đồ Việt Nam.</p>	<p>- Vùng đất (lãnh thổ) bao gồm đất liền và hải đảo. Vùng biển với các giới hạn quy định chủ quyền có diện tích khoảng 1 triệu km².</p> <p>- Khí hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa ; tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú ; nhiều thiên tai.</p> <p>- Hình dạng lãnh thổ tương đối chính xác.</p>
<p>2. Lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ</p>	<p><i>Kiến thức</i></p> <p>- Trình bày được đặc điểm ba giai đoạn phát triển của tự nhiên Việt Nam : tiền Cambri - hình thành nền móng lãnh thổ, Cổ kiến tạo</p>	<p>- Đặc điểm về thời gian, các vận động chính, khí hậu và</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- vận động chính tạo địa hình cơ bản và Tân kiến tạo - một số tác động chính đã định hình lãnh thổ Việt Nam ngày nay.</p> <p>- Biết được mối quan hệ giữa lịch sử địa chất với các điều kiện địa lí của nước ta.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>Đọc lược đồ cấu trúc địa chất Việt Nam.</p>	<p>một số nét về thiên nhiên của từng giai đoạn.</p>
<p>3. Đặc điểm chung của tự nhiên</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Phân tích các thành phần tự nhiên để thấy được các đặc điểm cơ bản của tự nhiên Việt Nam.</p> <p>- Phân tích và giải thích được đặc điểm của cảnh quan ba miền tự nhiên ở nước ta : miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam để trình bày các đặc điểm nổi bật về địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất đai, thực động vật và nhận</p>	<p>- Các thành phần tự nhiên : địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng và sinh vật.</p> <p>- Đặc điểm : đất nước nhiều đồi núi, chủ yếu là đồi núi thấp ; thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của Biển Đông ; thiên nhiên nhiệt đới gió mùa ẩm ; thiên nhiên phân hoá đa dạng.</p> <p>- Điền và ghi đúng trên lược đồ : dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, Trường</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>xét mối quan hệ tác động qua lại giữa chúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu, thủy chế sông ngòi. - Sử dụng bản đồ và kiến thức đã học để trình bày các đặc điểm của ba miền tự nhiên. 	<p>Son, Tây Nguyên ; các sông : Hồng, Thái Bình, Mã, Đồng Nai, Tiền, Hậu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, sinh vật.
<p>4. Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số tác động tiêu cực do thiên nhiên gây ra đã phá hoại sản xuất, gây thiệt hại về người và của. - Biết được sự suy thoái tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, đất ; một số nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm, cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường. - Biết được chiến lược, chính sách về tài nguyên và môi trường của Việt Nam. <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các bảng số liệu về sự biến động của tài nguyên rừng, sự đa dạng sinh học và đất ở nước ta. - Vận dụng được một số biện pháp bảo vệ tự nhiên và phòng chống thiên tai ở địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo, lũ, ngập úng, hạn hán, động đất. - Con người khai thác quá mức và gia tăng chất thải vào môi trường.
<p>II - ĐỊA LÍ DÂN CƯ</p> <p>1. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được một số đặc điểm dân số và phân bố dân cư Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều thành phần dân tộc, đông dân, gia tăng dân

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được nguyên nhân và hậu quả của dân đông, gia tăng nhanh, sự phân bố dân cư chưa hợp lí. - Biết được một số chính sách dân số ở nước ta. Kĩ năng - Phân tích bảng số liệu thống kê, biểu đồ dân số Việt Nam. - Sử dụng bản đồ dân cư, dân tộc và Atlat Việt Nam để nhận biết và trình bày đặc điểm dân số. 	<p>số còn nhanh, dân số trẻ, phân bố dân cư chưa hợp lí và đang có sự thay đổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân tự nhiên, kinh tế – xã hội và lịch sử. Hậu quả : ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, tài nguyên môi trường, chất lượng cuộc sống - Các chính sách dân số – kế hoạch hoá gia đình, phân bố lại dân cư và lao động trên phạm vi cả nước.
<p>2. Lao động và việc làm</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được một số đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng lao động ở nước ta. - Hiểu vì sao việc làm đang là vấn đề gay gắt của nước ta và hướng giải quyết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lao động dồi dào ; chất lượng lao động và việc sử dụng lao động có sự thay đổi ; năng suất lao động chưa cao. - Quan hệ dân số - lao động - việc làm. - Chính sách dân số, phân

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>Kỹ năng</p> <p>Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ về nguồn lao động, sử dụng lao động, việc làm.</p>	<p>bổ lại lao động, phát triển sản xuất.</p>
<p>3. Đô thị hoá</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được một số đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam, nguyên nhân và hậu quả. - Biết được sự phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta. <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ và Atlas để nhận xét mạng lưới các đô thị lớn. - Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về các đô thị ở Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ với việc gia tăng dân số nhanh.
<p>4. Chất lượng cuộc sống</p>	<p>Kiến thức</p> <p>Biết được mức sống của nhân dân ta ngày càng được cải thiện ; tuy nhiên, có sự phân hoá giữa các vùng.</p> <p>Kỹ năng</p> <p>Vẽ và phân tích biểu đồ về sự phân hoá thu nhập bình quân đầu người giữa các vùng.</p>	
<p>III - ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ</p> <p>1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế : theo ngành, theo 	<ul style="list-style-type: none"> - Những thay đổi cơ cấu

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>thành phần kinh tế và theo lãnh thổ ở nước ta.</p> <p>- Trình bày được ý nghĩa của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đối với sự phát triển kinh tế nước ta.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>Vẽ và phân tích biểu đồ, phân tích số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam.</p>	<p>kinh tế trong thập niên qua ; nguyên nhân.</p>
<p>2. Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp</p> <p>2.1. Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Chứng minh và giải thích được các đặc điểm chính của nền nông nghiệp nước ta.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ, Atlas để nhận xét về sự phân bố nông nghiệp.</p> <p>- Vẽ và phân tích biểu đồ, phân tích số liệu thống kê về sự thay đổi trong sản xuất nông nghiệp.</p>	<p>- Nền nông nghiệp nhiệt đới, sản xuất ngày càng hiệu quả, phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá.</p>
<p>2.2. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Hiểu và trình bày được cơ cấu của ngành nông nghiệp : trồng trọt, chăn nuôi ; tình hình phát triển và phân bố một số cây trồng, vật</p>	<p>- Cây trồng : cây lương thực (lúa), một số loại cây thực</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>nuôi chính của nước ta.</p> <p>- Chứng minh được xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng Atlas địa lí Việt Nam để trình bày được cơ cấu nông nghiệp và sự phân bố các cây trồng, vật nuôi chủ yếu.</p> <p>- Viết báo cáo ngắn về chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp dựa trên các bảng số liệu và biểu đồ cho trước.</p>	<p>phẩm, cây công nghiệp.</p> <p>- Vật nuôi : lợn, gia cầm và trâu bò.</p>
<p>2.3. Vấn đề phát triển thủy sản và lâm nghiệp</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Hiểu và trình bày được điều kiện, tình hình phát triển, phân bố ngành thủy sản và một số phương hướng phát triển ngành thủy sản của nước ta.</p> <p>- Hiểu và trình bày được vai trò, tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp, một số vấn đề lớn trong phát triển lâm nghiệp.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Phân tích bản đồ lâm, ngư nghiệp, Atlas để xác định các khu vực sản xuất, khai thác lớn.</p> <p>- Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về lâm, ngư nghiệp.</p>	<p>- Thuận lợi và khó khăn trong khai thác và nuôi trồng thủy sản.</p> <p>- Chú ý vấn đề suy thoái rừng và bảo vệ tài nguyên rừng.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>2.4. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới tổ chức lãnh thổ nông nghiệp nước ta : tự nhiên, kinh tế - xã hội, kĩ thuật, lịch sử. - Hiểu và trình bày được đặc điểm của 7 vùng nông nghiệp : Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long. - Trình bày được xu hướng thay đổi trong tổ chức lãnh thổ nông nghiệp : phát triển kinh tế trang trại và vùng chuyên canh để sản xuất hàng hoá. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ Việt Nam để trình bày sự phân bố một số ngành sản xuất nông nghiệp, vùng chuyên canh lớn. - Phân tích bảng thống kê và biểu đồ để thấy rõ xu hướng thay đổi trong tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các chính sách tác động đến sự phát triển nông nghiệp. - Đặc điểm về điều kiện tự nhiên, dân cư, cơ sở hạ tầng, trình độ thâm canh, chuyên môn hoá sản xuất. - Thay đổi cơ cấu sản phẩm nông nghiệp, tạo vùng chuyên canh. - Chuyên canh lúa, cà phê, cao su.
<p>3. Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp</p> <p>3.1. Cơ cấu ngành công nghiệp và vấn đề phát</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và nhận xét được cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu ngành đa dạng và

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p><i>triển một số ngành công nghiệp trọng điểm</i></p>	<p>thành phần kinh tế và theo lãnh thổ và nêu một số nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp.</p> <p>- Hiểu và trình bày được tình hình phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta.</p> <p>Kỹ năng</p> <p>- Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê, sơ đồ về các ngành công nghiệp.</p> <p>- Sử dụng bản đồ và Atlat để phân tích cơ cấu ngành của một số trung tâm công nghiệp và phân bố của các ngành công nghiệp trọng điểm.</p>	<p>có sự chuyển dịch rõ rệt.</p> <p>- Các khu vực tập trung công nghiệp chủ yếu.</p> <p>- Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế thay đổi sâu sắc.</p> <p>- Công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm.</p> <p>- Một số trung tâm công nghiệp lớn ở miền Bắc, miền Trung, miền Nam với các ngành nổi bật.</p>
<p>3.2. Vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Trình bày được khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tới tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta.</p> <p>- Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta.</p>	<p>- Phân tích theo các nhóm nhân tố bên trong, bên ngoài.</p> <p>- Điểm công nghiệp, khu công nghiệp tập trung, trung tâm công nghiệp, vùng công</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ, Atlas để nhận xét về tổ chức lãnh thổ công nghiệp của Việt Nam. - Phân tích sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng tới tổ chức lãnh thổ công nghiệp. 	<p>ngiệp.</p>
<p>4. Một số vấn đề phát triển và phân bố các ngành dịch vụ</p> <p>4.1. Vấn đề phát triển và phân bố giao thông vận tải, thông tin liên lạc</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm giao thông vận tải, thông tin liên lạc của nước ta. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ và phân tích biểu đồ, bảng số liệu về tình hình phát triển giao thông vận tải. - Sử dụng bản đồ để trình bày sự phân bố của một số tuyến giao thông vận tải, đầu mối giao thông và trung tâm thông tin liên lạc quan trọng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vai trò quan trọng, tình hình phát triển (số liệu minh chứng). - Phát triển cả về lượng và chất với nhiều loại hình : đường ô tô, đường sắt, đường thủy, đường hàng không ; mạng điện thoại, mạng phi thoại, truyền dẫn.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>4.2. Vấn đề phát triển và phân bố thương mại, du lịch</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được vai trò, tình hình phát triển và sự thay đổi trong cơ cấu của nội thương, ngoại thương. - Phân tích được các tài nguyên du lịch ở nước ta : tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn. - Hiểu và trình bày được tình hình phát triển ngành du lịch, sự phân bố của các trung tâm du lịch chính ; mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường. <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về các ngành nội thương, ngoại thương, du lịch. - Sử dụng bản đồ, Atlas để nhận biết và phân tích sự phân bố của các trung tâm thương mại và du lịch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích cơ cấu xuất nhập khẩu. - Trung tâm du lịch : Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng. - TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Huế,...
<p>IV - ĐỊA LÍ CÁC VÙNG</p> <p>1. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. - Hiểu và trình bày được các thế mạnh và hạn chế của điều kiện tự nhiên, dân cư, cơ sở vật chất - kĩ thuật của vùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáp Trung Quốc, có vùng biển Đông Bắc. - Nơi sinh sống của nhiều dân tộc ít người ; trình độ

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Phân tích việc sử dụng các thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế của vùng ; một số vấn đề đặt ra và biện pháp khắc phục.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để xác định vị trí của vùng, nhận xét và giải thích sự phân bố một số ngành sản xuất nổi bật.</p> <p>- Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê liên quan đến kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.</p>	<p>lao động còn hạn chế.</p> <p>- Công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, thủy điện ; trồng cây công nghiệp, dược liệu, rau quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ; chăn nuôi gia súc lớn ; nuôi trồng, chế biến thủy sản ; du lịch.</p> <p>- Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam : Hoà Bình, Thái Nguyên, Điện Biên.</p>
<p>2. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Phân tích được tác động của các thế mạnh và hạn chế của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, cơ sở vật chất - kĩ thuật tới sự phát triển kinh tế ; những vấn đề cần giải quyết trong phát triển kinh tế - xã hội.</p>	<p>- Mật độ dân số cao nhất cả nước, nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ lớn.</p> <p>- Quỹ đất nông nghiệp đang bị thu hẹp, sức ép về việc làm.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Hiểu và trình bày được tình hình chuyên dịch cơ cấu kinh tế và các định hướng chính.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, nhận xét và giải thích sự phân bố của một số ngành sản xuất đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Hồng.</p> <p>- Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ để nhận biết sự thay đổi trong dân số, cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng</p>	<p>- Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam : Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình.</p>
<p>3. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Hiểu và trình bày được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng.</p> <p>- Phân tích được sự hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp, cơ cấu công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng của vùng.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để xác định vị trí của vùng, nhận xét và giải thích sự phân bố một số ngành kinh tế đặc trưng.</p>	<p>- Lãnh thổ kéo dài ; vùng biển mở rộng ; điều kiện tự nhiên khá đa dạng ; nhiều thiên tai : bão, lũ, khô hạn.</p> <p>- Nêu được lí do và hiện trạng một số ngành kinh tế nổi bật.</p> <p>- Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam : Thanh Hoá, Vinh, Huế.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ để thấy được tình hình phát triển kinh tế của vùng. 	
<p>4. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ. - Trình bày được vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển và tầm quan trọng của vấn đề phát triển công nghiệp, cơ sở hạ tầng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng Atlas địa lí Việt Nam để trình bày về hiện trạng và sự phân bố các ngành kinh tế ở Duyên hải Nam Trung Bộ. - Sử dụng tổng hợp các nguồn tài liệu : bản đồ, số liệu thống kê để so sánh sự phát triển ngành thủy sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam : Đà Nẵng, Nha Trang, Quy Nhơn.
<p>5. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được ý nghĩa của việc phát triển kinh tế ở Tây Nguyên. - Trình bày được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên, dân cư, cơ sở vật chất - kĩ thuật đối với phát triển kinh tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài nguyên đất, rừng ; mùa khô kéo dài. Nơi cư trú của nhiều dân tộc ít người với trình độ lao động chưa cao,

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Hiểu được thực trạng phát triển cây công nghiệp ; khai thác và chế biến lâm sản, bảo vệ rừng ; phát triển chăn nuôi gia súc lớn ; phát triển thủy điện, thủy lợi và những vấn đề của vùng, biện pháp giải quyết những vấn đề đó.</p> <p>- So sánh được sự khác nhau về trồng cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, giới hạn của Tây Nguyên ; nhận xét và giải thích sự phân bố một số ngành sản xuất nổi bật.</p> <p>- Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ kinh tế của Tây Nguyên.</p>	<p>thiếu cơ sở hạ tầng.</p> <p>- Vấn đề khai thác có hiệu quả thế mạnh của vùng : trồng cà phê, cao su ; phát triển thủy điện kết hợp thủy lợi.</p> <p>- Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam : Plây Ku, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt.</p>
<p>6. Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Phân tích được các thế mạnh nổi bật và những hạn chế đối với việc phát triển kinh tế ở Đông Nam Bộ.</p> <p>- Chứng minh và giải thích được sự phát triển theo chiều sâu trong công nghiệp, nông nghiệp của Đông Nam Bộ.</p>	<p>- Vị trí địa lí, tài nguyên đất, nước ; cơ sở hạ tầng và lao động có trình độ. Hạn hán vào mùa khô.</p> <p>- Có trình độ phát triển cao nhất so với các vùng khác trong cả nước.</p> <p>- Phát triển kinh tế theo chiều sâu cần lực lượng lao động có trình độ cao ; phát</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>- Giải thích được sự cần thiết phải khai thác tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ môi trường.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, giới hạn và nhận xét, giải thích sự phân bố một số ngành kinh tế tiêu biểu của Đông Nam Bộ.</p> <p>- Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về vùng Đông Nam Bộ để nhận biết vấn đề kinh tế của vùng.</p>	<p>triển các ngành có kĩ thuật tiên tiến.</p> <p>- Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam : Biên Hoà, TP. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.</p>
<p>7. Vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long</p>	<p>Kiến thức</p> <p>- Phân tích được thuận lợi, khó khăn về thiên nhiên, con người, cơ sở vật chất - kĩ thuật đối với việc phát triển kinh tế của vùng.</p> <p>- Hiểu và trình bày được một số biện pháp cải tạo, sử dụng tự nhiên, tình hình và các biện pháp để tăng cường sản xuất lương thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Cửu Long.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng bản đồ để xác định vị trí của Đồng bằng sông Cửu Long ; nhận xét và giải thích sự phân bố của sản xuất lương thực, thực phẩm trong vùng.</p> <p>- Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê để hiểu sự phát triển kinh tế của Đồng bằng sông Cửu Long.</p>	<p>- Mùa lũ, mùa khô hạn ; đất nhiễm mặn, phèn hoá.</p> <p>- Khai thác hợp lí và bảo vệ môi trường.</p> <p>- Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam : Cần Thơ, Cà Mau, Long Xuyên, Vĩnh Long.</p>

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>8. Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng ở nước ta. Đây là nơi có nhiều tài nguyên, có vị trí quan trọng trong an ninh quốc phòng, cần phải bảo vệ. - Trình bày được tình hình và biện pháp phát triển kinh tế của vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo. <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, phạm vi lãnh hải của vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo chính của nước ta. - Điền trên bản đồ khung các đảo lớn và quần đảo của Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác phải đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường. - Điền và ghi đúng trên lược đồ Việt Nam các đảo : Phú Quốc, Côn Đảo, Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Cái Bầu, Phú Quý, Lí Sơn ; các quần đảo : Hoàng Sa, Trường Sa.
<p>9. Các vùng kinh tế trọng điểm</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết phạm vi lãnh thổ, vai trò, đặc điểm chính, thực trạng phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm : Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ. - Trình bày được các thế mạnh của từng vùng kinh tế trọng điểm đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, giới hạn của các vùng kinh tế trọng điểm ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ ; nhận biết và giải thích 	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh 3 vùng kinh tế trọng điểm.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	<p>được sự phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ và phân tích biểu đồ, số liệu thống kê về các vùng kinh tế trọng điểm. 	
<p>V - ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG (tỉnh / thành phố)</p>	<p>Kiến thức</p> <p>Tìm hiểu địa lí địa phương theo chủ đề :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề 1 : Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính. - Chủ đề 2 : Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. - Chủ đề 3 : Đặc điểm dân cư và lao động. - Chủ đề 4 : Đặc điểm kinh tế - xã hội. - Chủ đề 5 : Địa lí một số ngành kinh tế chính. <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định trên bản đồ vị trí, giới hạn các đơn vị hành chính của tỉnh/thành phố. - Sưu tầm tư liệu, xử lí thông tin. - Phân tích bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu của tỉnh/thành phố. - Viết và trình bày báo cáo theo chủ đề. 	

IV - GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN

1. Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình

Trên nền tảng các quan điểm xây dựng Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí, Chương trình chuẩn môn Địa lí ở cấp Trung học phổ thông chú trọng hơn đến quan điểm hình thành các năng lực cho học sinh và tăng cường tính hành dụng, tính

thực tiễn của chương trình ; nhằm góp phần đào tạo lớp người lao động đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

2. Về phương pháp dạy học

Ngoài các phương pháp dạy học đã nêu trong Chương trình môn học, căn cứ vào mục tiêu, nội dung dạy học và đặc điểm tâm sinh lí của học sinh, ở cấp Trung học phổ thông cần tăng cường vận dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học khác như dạy học hợp tác, dạy học tình huống, dạy học theo dự án (dưới dạng các bài tập nghiên cứu nhỏ),... nhằm hình thành và phát triển năng lực làm việc theo nhóm, năng lực giải quyết vấn đề, khả năng nghiên cứu của học sinh.

3. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Như đã nêu trong chương trình môn học, việc đánh giá kết quả học tập của học sinh phải xuất phát từ mục tiêu dạy học của môn học. Mục tiêu của môn Địa lí hiện nay không chỉ nhằm cung cấp các tri thức địa lí cho học sinh, mà còn phải hướng tới việc phát triển những năng lực cần thiết của người lao động, do đó trong việc đánh giá kết quả học tập của học sinh cần phải phối hợp nhiều hình thức, phương pháp đánh giá để có thể đánh giá được năng lực của học sinh. Về mức độ đánh giá ở cấp Trung học phổ thông cần đánh giá đủ 6 mức độ : biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá.

4. Về việc vận dụng chương trình theo vùng miền và các đối tượng học sinh

- Việc dạy và học địa lí ở các vùng miền được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đây là chuẩn kiến thức, kĩ năng tối thiểu, áp dụng cho mọi đối tượng học sinh ở các vùng miền khác nhau, vì vậy cần tạo điều kiện để mọi học sinh đều đạt được chuẩn kiến thức, kĩ năng của môn học.